

Use Case “Place Order”

1. Mã use case

UC002

2. Giới thiệu

Use case mô tả sự tương tác giữa hệ thống với người dùng cùng hệ thống liên ngân hàng khi người dùng muốn đặt hàng.

3. Tác nhân

3.1 Người dùng

4. Tiền điều kiện

Hệ thống có kết nối với Internet

5. Luồng sự kiện chính (Thành công)

1. Người dùng xem giỏ hàng
2. Hệ thống kiểm tra tình trạng hàng của các sản phẩm trong giỏ hàng
3. Hệ thống hiển thị các sản phẩm trong giỏ hàng
4. Người dùng yêu cầu đặt hàng
5. Hệ thống hiển thị form thông tin giao hàng
6. Người dùng điền và gửi thông tin giao hàng
7. Hệ thống kiểm tra hình thức đặt hàng
8. Hệ thống tính toán phí vận chuyển
9. Hệ thống hiển thị hóa đơn
10. Người dùng xác nhận để đặt hàng
11. Hệ thống gọi UC “Pay Order”
12. Hệ thống tạo đơn hàng mới
13. Hệ thống làm rỗng giỏ hàng
14. Hệ thống hiển thị đặt hàng thành công

6. Luồng sự kiện thay thế

Bảng 1-Luồng sự kiện thay thế của Use case "Place Order"

| STT | Vị trí | Điều kiện | Hành động | Vị trí tiếp tục |
|-----|------------|--|--|---------------------|
| 1. | Tại bước 3 | Nếu không còn sản phẩm ở giỏ hàng trong kho hoặc số lượng còn lại trong kho hàng ít hơn số lượng ở trong giỏ | <ul style="list-style-type: none">▪ Hệ thống yêu cầu người dùng cập nhật lại giỏ hàng▪ Người dùng cập nhật lại giỏ hàng | Tiếp tục tại bước 2 |
| 2. | Tại bước 7 | Nếu người dùng nhập thiếu trường bắt buộc | <ul style="list-style-type: none">▪ Hệ thống thông báo lỗi: Cần nhập các trường bắt buộc nhập | Tiếp tục tại bước 5 |

| | | | | |
|----|------------|--|---|---------------------|
| 3. | Tại bước 7 | Nếu người dùng chọn đặt hàng nhanh | ▪ Hệ thống gọi UC “Place Rush Order” | Tiếp tục tại bước 8 |
| 4. | Tại bước 7 | Nếu người dùng nhập số điện thoại không hợp lệ | ▪ Hệ thống thông báo lỗi: Cần nhập số điện thoại đúng định dạng | Tiếp tục tại bước 5 |

7. Dữ liệu đầu vào

Bảng 2-Dữ liệu đầu vào của thông tin vận chuyển

| STT | Trường dữ liệu | Mô tả | Bắt buộc | Điều kiện hợp lệ | Ví dụ |
|-----|----------------|-------------------|----------|------------------|--|
| 1. | Tên Người nhận | | Có | | Nguyễn Mạnh Dũng |
| 2. | Số điện thoại | | Có | | 0936148134 |
| 3. | Tỉnh | Chọn từ danh sách | Có | | Quảng Ninh |
| 4. | Địa chỉ | | Có | | Tổ 2 khu 10 phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long |
| 5. | Ghi chú | | Không | | |

8. Dữ liệu đầu ra

Bảng 3-Dữ liệu đầu ra khi hiển thị giỏ hàng

| STT | Trường dữ liệu | Mô tả | Định dạng hiển thị | Ví dụ |
|-----|---------------------------------|--|---|-------------|
| 1. | Tiêu đề | Tiêu đề sản phẩm | | Găng tay 3M |
| 2. | Giá | Giá của một sản phẩm | - Số dương - Ngăn cách hàng nghìn bằng dấu phẩy - Căn lề phải | 56,000 |
| 3. | Số lượng | Số lượng sản phẩm | - Số dương - Căn lề phải | 2 |
| 4. | Tổng | Tổng tiền phải trả cho số sản phẩm đó | - Số dương - Ngăn cách hàng nghìn bằng dấu phẩy - Căn lề phải | 112,000 |
| 5. | Tổng tiền phải thanh toán trước | Tổng tiền của sản phẩm trong giỏ hàng trước thuế VAT | | 1,098,000 |

| | | | | |
|----|---------------------------|---|--|-----------|
| | thuế | | | |
| 6. | Tổng tiền phải thanh toán | Tổng tiền của sản phẩm trong giỏ hàng sau khi cộng thuế VAT | | 1,208,000 |
| 7. | Đơn vị tiền tệ | | | VNĐ |

Bảng 4-Dữ liệu đầu ra khi hiển thị hóa đơn

| STT | Trường dữ liệu | Mô tả | Định dạng hiển thị | Ví dụ |
|-----|--------------------------------------|---|---|--|
| 8. | Tiêu đề | Tiêu đề sản phẩm | | Găng tay 3M |
| 9. | Giá | Giá của một sản phẩm | - Số dương - Ngăn cách hàng nghìn bằng dấu phẩy - Căn lề phải | 56,000 |
| 10. | Số lượng | Số lượng sản phẩm | - Số dương - Căn lề phải | 2 |
| 11. | Tổng | Tổng tiền phải trả cho số sản phẩm đó | - Số dương - Ngăn cách hàng nghìn bằng dấu phẩy - Căn lề phải | 112,000 |
| 12. | Tổng tiền phải thanh toán trước thuế | Tổng tiền của sản phẩm trong giỏ hàng trước thuế VAT | | 1,098,000 |
| 13. | Tổng tiền phải thanh toán | Tổng tiền của sản phẩm trong giỏ hàng sau khi cộng thuế VAT | | 1,208,000 |
| 14. | Phí vận chuyển | | | 45,000 |
| 15. | Tổng cộng | Tổng tiền của tiền hàng và phí vận chuyển | | 1,253,000 |
| 16. | Đơn vị tiền tệ | | | VNĐ |
| 17. | Tên Người nhận | | | Nguyễn Mạnh Dũng |
| 18. | Số điện thoại | | | 0936148134 |
| 19. | Tỉnh | Chọn từ danh sách | | Quảng Ninh |
| 20. | Địa chỉ | | | Tổ 2 khu 10 phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long |

| | | | | |
|-----|---------|--|--|--|
| 21. | Ghi chú | | | |
|-----|---------|--|--|--|

9. Hậu điều kiện

Cập nhật logs của hệ thống

Use Case “Place Rush Order”

10.Mã use case

UC003

11.Giới thiệu

Use case mô tả sự tương tác giữa hệ thống với người dùng cùng hệ thống liên ngân hàng khi người dùng muốn đặt hàng nhanh

12.Tác nhân

12.1 Người dùng

13.Tiền điều kiện

Hệ thống có kết nối với Internet

14.Luồng sự kiện chính (Thành công)

- Hệ thống kiểm tra xem có sản phẩm nào và địa chỉ nhận hàng hỗ trợ giao hàng nhanh
- Hệ thống yêu cầu khách hàng cập nhật thông tin giao hàng nhanh với form thông tin giao hàng mới
- Hệ thống cập nhật cách tính phí giao hàng

15. Luồng sự kiện thay thế

Bảng 3-Luồng sự kiện thay thế của Use case "Place Rush Order"

| STT | Vị trí | Điều kiện | Hành động | Vị trí tiếp tục |
|-----|------------|--|---|---------------------|
| 1. | Tại bước 2 | Nếu không có sản phẩm nào hỗ trợ hoặc địa chỉ nhận hàng không hỗ trợ | <ul style="list-style-type: none"> Hệ thống yêu cầu người dùng cập nhật lại thông tin giao hàng Người dùng cập nhật lại thông tin giao hàng | Tiếp tục tại bước 1 |

16. Dữ liệu đầu vào

Bảng 4-Dữ liệu đầu vào của thông tin vận chuyển giao hàng nhanh

| STT | Trường dữ liệu | Mô tả | Bắt buộc | Điều kiện hợp lệ | Ví dụ |
|-----|----------------|-------|----------|------------------|------------------|
| 6. | Tên Người nhận | | Có | | Nguyễn Mạnh Dũng |

| | | | | | |
|-----|---------------------|-------------------|-------|--|--|
| 7. | Số điện thoại | | Có | | 0936148134 |
| 8. | Tỉnh | Chọn từ danh sách | Có | | Quảng Ninh |
| 9. | Địa chỉ | | Có | | Tổ 2 khu 10 phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long |
| 10. | Thời gian nhận hàng | | Có | | Trước 18:00 ngày 10/10 |
| 11. | Ghi chú | | Không | | |

17. Dữ liệu đầu ra

Không

18. Hậu điều kiện

Không